

MỘT SỐ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ CỦA TỔ CHỨC QUẢN LÝ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

NGUYỄN THỊ NGUYỆT**

Tóm tắt: Bài viết phân tích các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ về hoạt động quản lý chỉ dẫn địa lý (QLCDĐL) của tổ chức QLCDĐL, bao gồm khái niệm, quy định về chủ thể có quyền QLCDĐL cũng như quy định về quyền hạn và trách nhiệm của tổ chức QLCDĐL.

Từ khóa: Chỉ dẫn địa lý; quản lý chỉ dẫn địa lý; quản lý

Ngày nhận bài: 06/12/2024; Biên tập xong: 16/5/2025; Duyệt đăng: 23/7/2025

LEGAL REGULATIONS ON INTELLECTUAL PROPERTY REGARDING THE MANAGEMENT OF GEOGRAPHICAL INDICATIONS BY MANAGEMENT ORGANIZATIONS

Abstract: The article examines provisions of intellectual property law on management of geographical indication by geographical indication management organizations, including its definition, the legal subjects authorized to manage geographical indications as well as the statutory rights and obligations of geographical indication management organizations.

Keywords: Geographical indication; geographical indication management; management

Received: Dec 06th, 2024; **Editing completed:** May 16th, 2025; **Accepted for publication:** Jul 23rd, 2025

1. Khái niệm quản lý chỉ dẫn địa lý

Hiện nay, khái niệm về QLCDĐL được đề cập trong các văn bản pháp luật nhưng chưa có định nghĩa pháp lý. Có quan điểm cho rằng, QLCDĐL được hiểu là quá trình xây dựng chính sách và tổ chức, điều hành của cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động của các tổ chức, cá nhân liên quan nhằm đảm bảo quyền sử dụng, quyền lợi hợp pháp của các nhà sản xuất và người tiêu dùng sản phẩm chỉ dẫn địa lý (CDĐL) được Nhà nước bảo hộ¹. Bởi lẽ, đối với Việt Nam, đặc thù về quy định sở hữu trí tuệ là CDĐL thuộc sở hữu nhà nước nên hoạt động quản lý sẽ mang nhiều khía cạnh về quản lý nhà nước, chức năng QLCDĐL được giao cho Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, thành phố.

Theo cách hiểu thông thường, quản lý được hiểu hoặc là trông coi, giữ gìn

theo những yêu cầu nhất định hoặc là việc tổ chức và điều khiển các hoạt động theo những yêu cầu nhất định². Nếu hiểu theo cách này thì hoạt động QLCDĐL là hoạt động trông coi, giữ gìn CDĐL của các chủ thể có thẩm quyền. Hay nói cách khác, đây là hoạt động của các chủ thể có thẩm quyền nhằm tổ chức, kiểm tra và kiểm soát việc sử dụng CDĐL; mục đích của QLCDĐL là duy trì danh tiếng, đảm bảo chất lượng sản phẩm gắn CDĐL. Việc QLCDĐL có thể được thực hiện bởi nhiều chủ thể khác nhau, có thể là cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, có thể là tổ chức QLCDĐL - đại diện cho tập thể các tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm gắn CDĐL như UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức nghề nghiệp (hội, hiệp hội)... Tuy nhiên, trong phạm vi

**Email: Nguyet.nt@tmu.edu.vn*

Thạc sĩ, Khoa Luật, Trường Đại học Thương mại

² Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2006, tr. 800.

¹ Đào Đức Huấn (2017), *QLCDĐL cho sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

bài viết, tác giả chỉ tập trung phân tích quy định pháp luật về QLCDĐL được thực hiện bởi tổ chức QLCDĐL.

2. Quy định về chủ thể có quyền quản lý chỉ dẫn địa lý

CDĐL giống như một loại tài sản chung cộng đồng mà tất cả những người sản xuất sản phẩm mang CDĐL thuộc khu vực địa lý tương ứng đều có quyền sử dụng. Mặc dù là tài sản chung nhưng không có nghĩa mọi người đều có quyền tự do, tùy tiện sử dụng, khai thác. Để đảm bảo uy tín, chất lượng của sản phẩm cũng như phát triển CDĐL, cần có một tổ chức thực hiện việc QLCDĐL, giám sát việc sử dụng CDĐL của các nhà sản xuất địa phương. Tổ chức quản lý tập thể CDĐL đóng vai trò rất quan trọng trong việc quản lý, bảo vệ và phát triển CDĐL. Các tổ chức này phải thể hiện đầy đủ vai trò là người đại diện, bảo đảm tính khách quan, công bằng, thực hiện khai thác CDĐL một cách hiệu quả, mang lại lợi ích chung chứ không được tạo ra gánh nặng cho các tổ chức, cá nhân sản xuất có sử dụng CDĐL.

Khoản 4 Điều 121 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019 và 2022 (Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005) quy định: “Nhà nước trực tiếp thực hiện việc QLCDĐL hoặc trao quyền QLCDĐL cho tổ chức đại diện quyền lợi của tất cả các tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng CDĐL”. Như vậy, chủ thể có quyền quản lý CDĐL là Nhà nước hoặc chủ thể được Nhà nước trao quyền QLCDĐL - tổ chức đại diện quyền lợi cho tất cả các tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng CDĐL. Theo Điều 37 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ (Nghị định số 65/2023/NĐ-CP), bên cạnh

việc tiếp tục ghi nhận các chủ thể được Nhà nước trao quyền QLCDĐL như Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp (Nghị định số 103/2006/NĐ-CP), một số chủ thể khác cũng có quyền QLCDĐL, cụ thể:

Thứ nhất, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là chủ thể có quyền quản lý đối với CDĐL

UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là cơ quan có thẩm quyền quản lý trong trường hợp CDĐL thuộc một địa phương. Chẳng hạn như UBND tỉnh Đắk Lắk đã đăng ký và được cấp văn bằng bảo hộ cho CDĐL Cà phê Buôn Ma Thuột. Trường hợp CDĐL thuộc nhiều địa phương, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là đại diện theo ủy quyền của các UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác nơi có khu vực địa lý tương ứng với CDĐL thực hiện quyền QLCDĐL. Có thể hiểu trường hợp này là sản phẩm mang CDĐL có diện tích thuộc về nhiều tỉnh, thành phố khác nhau như trường hợp sản phẩm sâm Ngọc Linh thuộc về địa bàn của cả hai tỉnh Quảng Nam và tỉnh Kon Tum thì UBND thuộc một trong hai tỉnh này sẽ ủy quyền cho địa phương còn lại để thực hiện quản lý đối với CDĐL sâm Ngọc Linh. Điểm mới về chủ thể quản lý được đề cập đến trong Nghị định số 65/2023/NĐ-CP quy định mở rộng thêm trường hợp chủ thể QLCDĐL có thể là UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, hoặc cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh phân cấp, ủy quyền QLCDĐL³.

UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có khu vực địa lý tương ứng với CDĐL được xác định là cơ quan thay mặt Nhà nước thực hiện quyền quản lý đối với CDĐL. Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 quy định tất cả các CDĐL đều phải có cơ quan

³ Điều 37 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

quản lý. Quyền QLCDĐL thuộc về Nhà nước và UBND cấp tỉnh⁴ thực hiện quyền đại diện chứ không phải là Ủy ban cấp dưới hay cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh, ngay cả trong trường hợp CDĐL đó có diện tích xác định trong phạm vi của một huyện, một xã hay một làng nhất định.

Việc quy định thẩm quyền quản lý đối với CDĐL của UBND là hoàn toàn hợp lý trong điều kiện hiện nay của Việt Nam, bởi thực tiễn cho thấy việc quản lý đối với CDĐL là một công việc tương đối khó khăn và phức tạp. Do tính đặc thù của nó nên UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sẽ có đủ điều kiện vật chất và nhân lực để thực hiện tốt công việc này trong trường hợp các cơ quan khác chưa đáp ứng được các điều kiện cần thiết.

Về mặt lý thuyết, việc QLCDĐL phải là nhiệm vụ của một cơ quan chuyên trách - là tổ chức đại diện cho các chủ thể sử dụng CDĐL. Ở Việt Nam, có một thực trạng là các CDĐL thường được xác định và công nhận trước khi tổ chức quản lý tập thể CDĐL được thành lập. Nhiều CDĐL được các cơ quan quản lý hành chính địa phương nộp đơn đăng ký bảo hộ, nhưng sau khi CDĐL đã được đăng bạ, vẫn chưa có tổ chức quản lý tập thể của các nhà sản xuất. Khi đó, giải pháp là các cơ quan quản lý địa phương nơi có CDĐL phải tạm thời đảm nhiệm công việc này trong khi chờ đợi một tổ chức QLCDĐL chuyên trách ra đời. Thực tế cho thấy nhiều cơ quan quản lý hành chính như UBND vẫn đang thực hiện nhiệm vụ mà đáng lẽ là thuộc tổ chức tập thể các nhà sản xuất.

Thứ hai, Cơ quan, tổ chức được UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trao quyền QLCDĐL với điều kiện cơ quan, tổ chức đó đại diện cho quyền lợi của tất cả các tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng CDĐL theo quy định tại khoản 4 Điều 121 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005

⁴ Khoản 1 Điều 37 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

Hiện nay, chưa có quy định nào giải thích thế nào là “cơ quan, tổ chức đại diện cho quyền lợi của tất cả các tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng CDĐL” nhưng trên thực tế, UBND cấp tỉnh có thể ủy quyền cho các Sở hay UBND cấp dưới trong trường hợp CDĐL trên thuộc về phạm vi một địa phương (Ví dụ: Hiệp hội thanh long Bình Thuận được cấp văn bằng bảo hộ cho chi dẫn Thanh Long Bình Thuận). Tổ chức được UBND cấp tỉnh trao quyền QLCDĐL phải đáp ứng các điều kiện như: Cơ quan, tổ chức này đại diện cho quyền lợi của tất cả các tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng CDĐL; có đủ các điều kiện nhân lực, kỹ thuật và khả năng huy động các điều kiện này để tiến hành kiểm soát việc sử dụng CDĐL; không trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia sản xuất, kinh doanh sản phẩm mang CDĐL; và được UBND cấp tỉnh trao quyền QLCDĐL theo đúng quy định của pháp luật.

UBND cấp tỉnh hiện vẫn là cơ quan chủ yếu thực hiện quyền QLCDĐL. Tuy nhiên, việc để cơ quan hành chính đứng ra QLCDĐL về lâu dài sẽ có nhiều điểm chưa thật hợp lý. Bởi vậy, việc trao quyền QLCDĐL cho các Hội, Hiệp hội của những người sản xuất để đảm bảo hiệu quả của việc quản lý là cần thiết. Mặc dù vậy, khó khăn lớn nhất khi trao quyền QLCDĐL cho Hội, Hiệp hội ở Việt Nam chính là trình độ quản lý và khả năng kiểm soát việc sử dụng CDĐL của các tổ chức này còn hạn chế, các điều kiện vật chất chưa được đảm bảo. Do đó, việc trao quyền QLCDĐL cần có lộ trình và bước đi cụ thể. Trước hết, ở những nơi chưa thành lập được Hội hay Hiệp hội để đứng ra QLCDĐL thì UBND thực hiện quyền QLCDĐL. Những nơi đã thành lập được Hội, Hiệp hội và hoạt động của Hội, Hiệp hội có hiệu quả thì cần mạnh dạn trao quyền QLCDĐL cho chủ thể này. Đây là mô hình QLCDĐL đã rất thành công ở châu Âu và việc áp dụng mô hình này ở Việt Nam tại thời điểm này là tương

đối phù hợp. Các Hiệp hội sản xuất còn gặp nhiều khó khăn; các tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm mang CDĐL không có điều kiện thực hiện các công đoạn nghiên cứu, đánh giá tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm để có bộ hồ sơ pháp lý khoa học đăng ký CDĐL thì cơ quan quản lý hành chính địa phương là chủ thể chủ yếu và có điều kiện nhất để thực hiện công việc này.

Như vậy, Nghị định số 65/2023/NĐ-CP đã bổ sung thêm một số đối tượng, cụ thể đối với chủ thể quản lý trong nước: UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phân cấp, ủy quyền QLCDĐL. Đồng thời, Nghị định này cũng bổ sung thêm đối với CDĐL của nước ngoài, chủ sở hữu, tổ chức được phép thực hiện quyền của chủ sở hữu đối với CDĐL và tổ chức QLCDĐL được xác định theo quy định pháp luật của nước xuất xứ⁵.

3. Quy định về quyền và nghĩa vụ trong quản lý chỉ dẫn địa lý của tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý

3.1. Quyền hạn của tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý

Khoản 2 Điều 123 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 quy định tổ chức, cá nhân được Nhà nước trao quyền sử dụng, quyền QLCDĐL theo quy định tại khoản 4 Điều 121 Luật này có các quyền sau đây: (i) Cho phép người khác sử dụng CDĐL đó; (ii) Ngăn cấm người khác sử dụng CDĐL đó.

Thứ nhất, về quyền cho phép người khác sử dụng CDĐL theo quy định của pháp luật

Khoản 4 Điều 121 và khoản 2 Điều 123 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 trước lần sửa đổi, bổ sung năm 2022 quy định tổ chức được Nhà nước trao quyền QLCDĐL có

quyền cho phép người khác sử dụng CDĐL. Như vậy, tổ chức QLCDĐL với vai trò là tổ chức được sự ủy quyền sẽ thực hiện quyền cho phép những người có đủ điều kiện sử dụng CDĐL. Điều này được hiểu là các tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm đáp ứng điều kiện về tính chất, chất lượng đặc thù tại khu vực địa lý tương ứng thì được sử dụng CDĐL và việc sử dụng đó không dựa trên việc cấp quyền của tổ chức QLCDĐL. CDĐL về bản chất là tài sản của cộng đồng, gắn liền với đời sống và hoạt động sản xuất lâu đời của người dân địa phương, quyền sử dụng phải thuộc về người sản xuất đáp ứng điều kiện của sản phẩm mang CDĐL. Điều 129.3a Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 cũng quy định việc sử dụng CDĐL cho sản phẩm có xuất xứ từ khu vực địa lý nhưng không đáp ứng tính chất, chất lượng của sản phẩm mang CDĐL thì sẽ bị coi là hành vi xâm phạm quyền CDĐL.

Tuy nhiên, nếu chủ thể nào cũng được quyền sử dụng CDĐL mà không có sự kiểm tra, giám sát về chất lượng, tính chất của sản phẩm bởi một tổ chức có thẩm quyền thì trường hợp danh tiếng và chất lượng của sản phẩm mang CDĐL bị giảm sút có thể xảy ra, gây thiệt hại đến các tổ chức, cá nhân khác. Thực tế đã chỉ ra sự bất cập trong việc tùy tiện sử dụng CDĐL bởi một số chủ thể không đáp ứng được điều kiện đặc biệt là các tiêu chuẩn để đảm bảo chất lượng khi đưa sản phẩm gắn CDĐL ra thị trường. Điển hình như CDĐL nước mắm Phú Quốc, một số cơ sở sản xuất lấy màu pha với nước muối, thêm “hương vị nước mắm” rồi dán nhãn nước mắm Phú Quốc sau đó tung ra thị trường bán với giá rất rẻ. Hay đối với CDĐL chè Shan tuyết Mộc Châu chỉ được sử dụng để đóng bao sản phẩm 35kg khi chuyển đi nơi khác bán chiếm đến 90%. Khi đến tay nhà phân phối, nhà phân phối lại mở bao gói sản phẩm này ra để đóng thành gói lẻ bán ra thị trường, điều này khó tránh khỏi việc

⁵ Khoản 3 Điều 37 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

sản phẩm bị trộn lẫn với những sản phẩm chè được sản xuất từ nơi khác. Tương tự, nhiều sản phẩm cà phê thực tế không được sản xuất tại các khu vực được xác định trên bản đồ bảo hộ nhưng khi thực hiện đóng gói tại Buôn Ma Thuột liền được gắn với CDĐL Buôn Ma Thuột⁶. Bởi vậy, có thể khẳng định rằng quyền cho phép người khác sử dụng CDĐL của tổ chức QLCDĐL không phải là một quyền mang tính chất chủ quan, các điều kiện mà chủ thể muốn sử dụng CDĐL phải đáp ứng là các điều kiện do pháp luật quy định mà không phải theo ý chí của tổ chức quản lý.

Thứ hai, về quyền ngăn cấm người khác sử dụng CDĐL

Như đã phân tích, tổ chức QLCDĐL có quyền cho phép các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được quyền sử dụng CDĐL. Những chủ thể không có đủ các điều kiện sử dụng CDĐL như không ở trong vùng CDĐL, sản phẩm mang CDĐL không đáp ứng các tiêu chuẩn, đặc tính đã được xác định... sẽ không được quyền sử dụng CDĐL. Hay nói cách khác, các tổ chức, cá nhân này sẽ không được tổ chức QLCDĐL cho phép sử dụng CDĐL.

3.2. Trách nhiệm của tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý

Điều 38 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP quy định về trách nhiệm của tổ chức QLCDĐL khi thực hiện hoạt động QLCDĐL:

Một là, tổ chức QLCDĐL có trách nhiệm xây dựng và ban hành quy chế QLCDĐL

Để có thể QLCDĐL một cách hiệu quả, từ đó đảm bảo chất lượng của sản phẩm gắn CDĐL và danh tiếng của CDĐL, cần thiết phải có một quy chế thống nhất trong QLCDĐL, tránh tình trạng tùy tiện, không công bằng, minh bạch trong hoạt động

QLCDĐL. Việc xây dựng và ban hành quy chế QLCDĐL thuộc trách nhiệm của tổ chức QLCDĐL - đây là điểm mới của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP khi quy định về CDĐL. Việc giao trách nhiệm cho tổ chức QLCDĐL là hợp lý bởi CDĐL là tài sản chung của các nhà sản xuất sản phẩm tại địa phương, những người này am hiểu nhất về các đặc tính về chất lượng cũng như quy trình sản xuất. Hay nói cách khác, tổ chức đại diện QLCDĐL của các nhà sản xuất sản phẩm là người hiểu rõ nhất về đặc tính của sản phẩm, đồng thời hiểu rõ nhất về năng lực quản lý của mình. Do đó, tổ chức QLCDĐL sẽ xây dựng được một quy chế QLCDĐL phù hợp với CDĐL do mình quản lý.

Theo quy định, đây là một nội dung của Quy chế QLCDĐL mà tổ chức QLCDĐL phải có trách nhiệm xây dựng và ban hành. Pháp luật không đưa ra quy chế quản lý chung cho tất cả các CDĐL mà cho phép tổ chức quản lý đối với mỗi CDĐL cụ thể sẽ tự xây dựng quy chế quản lý riêng đối với CDĐL đó. Tuy nhiên, pháp luật cũng có quy định quy chế quản lý cần phải đáp ứng một số điều kiện nhất định như: (i) Phải bao gồm các nội dung chủ yếu như quy định về sản phẩm mang CDĐL, quy định việc ghi nhận tổ chức, cá nhân sử dụng CDĐL, cơ chế kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng, quyền và trách nhiệm của các tổ chức cá nhân sử dụng...⁷; (ii) Lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm mang CDĐL trước khi được ban hành; (iii) Không hạn chế một cách bất hợp lý quyền sử dụng hợp pháp CDĐL của các tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm mang CDĐL⁸.

Hai là, tổ chức QLCDĐL có trách nhiệm QLCDĐL theo quy chế do mình ban hành

QLCDĐL là hoạt động được thực hiện nhằm kiểm soát chất lượng, nâng cao và

⁶ Bùi Thị Hằng Nga, Nguyễn Minh Bách Tùng, "Bảo hộ CDĐL: Yêu cầu của phát triển nông nghiệp bền vững", *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 17(417), tháng 9/2020.

⁷ Điểm a khoản 2 Điều 38 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

⁸ Điểm b, c khoản 2 Điều 38 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

phát triển sản phẩm gắn CDĐL. Đây là vấn đề quan trọng để đảm bảo mọi sản phẩm sau quá trình sản xuất và khi đưa vào lưu thông đều có chất lượng đồng đều và đạt các tiêu chuẩn đã xác lập, bảo vệ uy tín của sản phẩm, lợi ích của các nhà sản xuất, người tiêu dùng và toàn xã hội. Tổ chức QLCDĐL là chủ thể xây dựng và ban hành quy chế QLCDĐL, đồng thời có trách nhiệm với quy chế do mình ban hành.

Quy định này là hoàn toàn hợp lý bởi hơn ai hết, người xây dựng quy chế QLCDĐL sẽ hiểu rõ nhất về quy chế đó, nên dễ dàng triển khai quy chế này trên thực tế. Bên cạnh đó, việc pháp luật yêu cầu tổ chức QLCDĐL có trách nhiệm quản lý theo quy chế do mình ban hành sẽ hạn chế được sự tùy tiện, thiếu minh bạch của tổ chức này trong hoạt động QLCDĐL, từ đó đảm bảo được quyền lợi của các tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm gắn CDĐL, cũng như đảm bảo được uy tín và danh tiếng của CDĐL.

Ba là, tổ chức QLCDĐL có trách nhiệm lập và công khai danh sách tổ chức, cá nhân sử dụng CDĐL

Trước Luật sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022, pháp luật sở hữu trí tuệ quy định về quyền cấp phép sử dụng CDĐL của tổ chức QLCDĐL cho các nhà sản xuất nhằm kiểm soát việc sử dụng, bảo đảm chỉ các nhà sản xuất đủ điều kiện mới được sử dụng CDĐL. Có thể hiểu rằng, các tổ chức, cá nhân trong vùng địa lý muốn được sử dụng CDĐL cho sản phẩm của mình phải được sự đồng ý của tổ chức quản lý thông qua thủ tục cấp quyền sử dụng CDĐL. Như vậy, bất cứ người nào đáp ứng các tiêu chuẩn để được sử dụng nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận thì không được sử dụng CDĐL. Quy định như vậy không phù hợp với bản chất của đối tượng này. CDĐL được hình thành và phát triển bởi chính những người đã và đang sử dụng chúng. Vì thế, không có một lý

do nào để ngăn cản một người đang sử dụng CDĐL cho hàng hóa của mình phải dừng việc sử dụng lại chỉ vì lý do người đó chưa làm thủ tục cấp quyền sử dụng⁹. Bên cạnh đó, pháp luật cũng không có quy định cụ thể về trình tự thủ tục cấp quyền sử dụng CDĐL, gây khó khăn cho các tổ chức QLCDĐL trong hoạt động cấp quyền sử dụng trên thực tế.

Theo Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA), khi một CDĐL được bảo hộ theo EVFTA (các CDĐL trong Danh mục), thì việc sử dụng hợp pháp CDĐL đó không phụ thuộc vào việc đăng ký người sử dụng hoặc nộp thêm bất kỳ khoản phí nào¹⁰. Có thể hiểu, các tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động sản xuất sản phẩm đương nhiên có quyền sử dụng, không phụ thuộc vào việc đăng ký người sử dụng và nộp phí. Pháp luật Việt Nam cũng không yêu cầu người sử dụng (các Hiệp hội, tổ chức QLCDĐL) nộp phí sử dụng CDĐL. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 92 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 quy định văn bằng bảo hộ ghi nhận các tổ chức cá nhân có quyền sử dụng CDĐL. Điều đó có nghĩa là đơn đăng ký CDĐL phải liệt kê những người có quyền sử dụng và văn bằng bảo hộ phải được sửa đổi, bổ sung để ghi nhận thay đổi về người có quyền sử dụng về sau. Quy định này vừa không đảm bảo cam kết trong EVFTA cũng như khả năng thực thi trong thực tế. Do đó, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022 đã sửa đổi khoản 2 Điều 92 như sau: “*Văn bằng bảo hộ CDĐL ghi nhận tổ chức QLCDĐL, CDĐL được bảo hộ, tính chất đặc thù của sản phẩm mang CDĐL, tính chất đặc thù về điều kiện địa lý và khu vực địa lý mang CDĐL*”. Như vậy, việc quy định này loại yêu cầu ghi tên tổ chức, cá nhân được quyền sử dụng CDĐL là hoàn toàn hợp lý.

Đồng thời, tổ chức QLCDĐL có trách nhiệm lập và công khai danh sách tổ chức,

⁹ Đinh Trung Tụng, *Bình luận những nội dung mới của Bộ luật Dân sự năm 2005*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2005, tr. 322.

¹⁰ Điều 12.29 EVFTA.

cá nhân sử dụng CDĐL trên cơ sở thông báo của các tổ chức, cá nhân đó. Danh sách, tổ chức cá nhân sử dụng CDĐL phải được cập nhật khi có bất kỳ sự thay đổi nào¹¹. Pháp luật cũng quy định trong quy chế cần đề cập đến một số nội dung liên quan đến việc ghi nhận tổ chức, cá nhân sử dụng CDĐL như hồ sơ yêu cầu ghi nhận, bao gồm: Yêu cầu ghi nhận, tài liệu chứng minh tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất sản phẩm mang CDĐL tại khu vực địa lý tương ứng với CDĐL và các tài liệu chứng minh khác, nếu cần; việc xem xét hồ sơ, kiểm tra và đánh giá tính xác thực của tài liệu, bao gồm cả việc tuân thủ bản mô tả tính chất đặc thù của sản phẩm mang CDĐL (nếu cần thiết) và ghi nhận các thông tin của tổ chức, cá nhân vào danh sách tổ chức, cá nhân sử dụng CDĐL¹². Đây là một điểm mới của pháp luật sở hữu trí tuệ được thể hiện trong Nghị định số 65/2023/NĐ-CP, trách nhiệm lập và công khai danh sách tổ chức, cá nhân sử dụng CDĐL được thay thế cho quy định tổ chức này có quyền cấp quyền sử dụng CDĐL cho các tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm gắn CDĐL.

Bốn là, tổ chức QLCDĐL có trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp để quản lý việc sử dụng CDĐL của các tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm mang CDĐL nhằm bảo đảm sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn về tính chất, chất lượng đặc thù, danh tiếng phù hợp với bản mô tả tính chất đặc thù của sản phẩm

Về mặt bản chất, bảo hộ CDĐL là một hình thức bảo hộ cho những sản phẩm đặc trưng, gắn với một tên gọi, biểu tượng... của vùng, quốc gia cụ thể. Các sản phẩm gắn CDĐL luôn tồn tại những đặc thù về tính chất, chất lượng được nhiều người tiêu dùng biết đến. Bởi vậy, hoạt động quản lý luôn hướng tới việc bảo đảm sản xuất, chế biến và thương mại sản phẩm gắn CDĐL

không làm ảnh hưởng đến uy tín và giá trị của sản phẩm đối với người tiêu dùng. Trách nhiệm của tổ chức QLCDĐL là thiết lập bộ máy, công cụ để quản lý việc sử dụng CDĐL nhằm bảo đảm duy trì tính chất, chất lượng, danh tiếng của sản phẩm mang CDĐL nhưng việc quản lý này không được cản trở quyền sử dụng hợp pháp CDĐL của các tổ chức, cá nhân.

Tổ chức thực hiện các biện pháp kiểm soát việc sử dụng CDĐL của các tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm mang CDĐL nhằm bảo đảm sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn về tính chất, chất lượng đặc thù, danh tiếng phù hợp với bản mô tả tính chất đặc thù của sản phẩm, bao gồm: Sự tuân thủ về quy trình kỹ thuật thông qua quy chế và kế hoạch kiểm soát, chất lượng sản phẩm và sử dụng dấu hiệu CDĐL. Quá trình tổ chức có thể được triển khai từ trước khi đăng ký bảo hộ, tuy nhiên sau khi sản phẩm được bảo hộ CDĐL thì quá trình này được kiểm soát chặt chẽ hơn. Hiện nay, pháp luật không quy định cụ thể về các nội dung hoạt động kiểm soát việc sử dụng CDĐL mà để các tổ chức QLCDĐL tự quy định về nội dung này. Tuy nhiên, có thể thấy hoạt động kiểm soát chủ yếu mà tổ chức CDĐL thường thực hiện bao gồm: (i) Kiểm soát việc sử dụng CDĐL của tổ chức, cá nhân sản xuất nhằm bảo đảm chỉ các nhà sản xuất đủ điều kiện mới được sử dụng; (ii) Kiểm soát chất lượng sản phẩm, tùy từng sản phẩm mà việc kiểm soát chất lượng có thể là kiểm tra nguyên liệu đầu vào để sản xuất sản phẩm, quy trình sản xuất sản phẩm hay kết quả sản phẩm trước khi đưa ra thị trường. Tổ chức QLCDĐL cũng tự quyết định về phương thức kiểm tra, có thể thử nghiệm và kiểm định đối với toàn bộ các lô hàng sản xuất hoặc thử nghiệm với bất kỳ sản phẩm nào.

Năm là, tổ chức QLCDĐL có trách nhiệm theo dõi, thực hiện các biện pháp để phòng ngừa và ngăn cấm các hành vi xâm phạm quyền đối với

¹¹ Điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

¹² Khoản 2 (a2) Điều 38 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

CDĐL; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật

Hoạt động kiểm soát hành vi sử dụng CDĐL đồng nghĩa với việc kiểm soát thông tin truyền tải tới người tiêu dùng; theo dõi sử dụng thương hiệu của đối thủ cạnh tranh để giảm thiểu các nguy cơ làm ảnh hưởng đến CDĐL của tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm gắn CDĐL... Kiểm soát việc sử dụng CDĐL cũng bao gồm hành vi theo dõi, thực hiện các biện pháp để bảo vệ CDĐL khỏi sự xâm phạm, những hành vi lạm dụng CDĐL làm giảm uy tín, danh tiếng và giá trị sản phẩm gắn CDĐL của tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm gắn CDĐL.

Ở châu Âu, các quy định về kiểm soát hành vi xâm phạm CDĐL cũng được quy định rõ ràng ở hai mức độ: (i) Xử lý hành vi xâm phạm trên thị trường sẽ do các cơ quan quản lý nhà nước về xâm phạm sở hữu trí tuệ, quản lý thị trường xử lý; (ii) Hành vi xâm phạm trong hoạt động sử dụng CDĐL, được quy định theo nguyên tắc “sửa chữa” và ngăn cấm: Cho phép tổ chức, cá nhân sửa chữa, khắc phục sai phạm và ngăn cấm nếu không sửa chữa hoặc vi phạm ở những lỗi không thể sửa chữa¹³. Các hành vi xâm phạm CDĐL diễn ra khi sản phẩm đã được lưu thông trên thị trường sẽ không còn thuộc thẩm quyền xử lý của tổ chức QLCDĐL. Mặc dù vậy, điểm đ khoản 1 Điều 38 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP quy định tổ chức QLCDĐL có trách nhiệm ngăn cấm các hành vi xâm phạm quyền đối với CDĐL; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, chủ thể quyền có thể áp dụng biện pháp tự bảo vệ được quy định tại Điều 198 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 không bao gồm tổ chức QLCDĐL¹⁴, do đó sẽ

gây khó khăn nếu tổ chức QLCDĐL muốn khởi kiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với CDĐL.

Sáu là, tổ chức QLCDĐL có trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp về tình hình QLCDĐL theo định kỳ hai năm một lần

Nghĩa vụ báo cáo tình hình QLCDĐL định kỳ của tổ chức QLCDĐL trước cơ quan có thẩm quyền có ý nghĩa quan trọng, một mặt giúp các cơ quan có thẩm quyền nắm bắt được thực trạng việc sử dụng CDĐL, từ đó có phương hướng để xử lý các hành vi xâm phạm cũng như thúc đẩy hoạt động phát triển CDĐL. Mặt khác, thông qua trách nhiệm báo cáo, tổ chức QLCDĐL cũng nâng cao ý thức trong hoạt động QLCDĐL, tăng cường sự minh bạch trong hoạt động quản lý./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Trung Tụng, *Bình luận những nội dung mới của Bộ luật Dân sự năm 2005*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2005;
2. Đào Đức Huấn (2017), *QLCDĐL cho sản phẩm nông sản của Việt Nam*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;
3. Bùi Thị Hằng Nga, Nguyễn Minh Bách Tùng, “Bảo hộ CDĐL: Yêu cầu của phát triển nông nghiệp bền vững”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 17(417), tháng 9/2020;
4. Lê Thị Thanh Tâm, “Vấn đề sở hữu trí tuệ đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh hiện tại”, *Tạp chí Thông tin khoa học và Công nghệ Quảng Bình*, số 4/2017;
5. Nguyễn Mạnh Hoàng, Phạm Thị Phương Mai, “Một số khuyến nghị trong sử dụng và bảo hộ CDĐL cho hàng nông sản tại Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Công nghệ Hàng hải*, số 68/2021;
6. Vũ Xuân Trường, Lê Thị Thu Hà, “Kiểm soát CDĐL của Việt Nam trong bối cảnh thực thi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU: Nghiên cứu trường hợp của nước mắm Phú Quốc”, *Tạp chí Khoa học Thương mại*, số 93/2016;
7. Lê Văn Hóa, *Bảo hộ CDĐL với xuất khẩu nông sản Việt Nam*, <https://vioit.org.vn/vn/hoc-tac-quoc-te/bao-ho-chi-dan-dia-ly-voi-xuat-khau-nong-san-viet-nam-4521.4086.html>, truy cập ngày 13/4/2024.

¹³ Đào Đức Huấn, Tlđđ.

¹⁴ Khoản 6 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 quy định chủ thể quyền sở hữu trí tuệ là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ.